

# QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PGS, TS DOÃN THỊ CHÍN

*Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

**Tóm tắt:** Qua gần 35 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, thu hút ngày càng nhiều vốn cho đầu tư phát triển, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và tăng cường... Những thành quả đạt được sau gần 35 năm đổi mới là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, thể hiện sự đổi mới trong tư duy của Đảng về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa:** Nhận thức, tư duy của Đảng; đổi mới kinh tế; hội nhập; kinh tế quốc tế.

## 1. Quá trình nhận thức của Đảng

Vào cuối những năm 1970 đầu những năm 1980, Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế-xã hội. Đổi mới là đòi hỏi bức xúc của sự phát triển đất nước, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Đại hội VI (12-1986) của Đảng đánh dấu bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta với việc đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đại hội cho rằng cần phải dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, từ bỏ mô hình kinh tế phi thị trường, đề ra chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; trong đó xác định đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là “xóa bỏ tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan”<sup>1</sup> và sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa-tiền tệ. “Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa”<sup>2</sup>; kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng

của người lao động là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Về kinh tế đối ngoại, Đảng khẳng định vai trò của kinh tế đối ngoại, việc hoàn thành các nhiệm vụ trong chặng đường đầu tiên “phụ thuộc một phần rất quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại”<sup>3</sup>. Đại hội khẳng định: “Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia vào sự phân công lao động quốc tế”<sup>4</sup>.

Như vậy, Đại hội VI của Đảng đặt nền móng cho quá trình đổi mới kinh tế, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới về kinh tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội VII (tháng 6-1991) của Đảng là bước phát triển đặc biệt quan trọng trong quá trình đổi mới. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*; phát triển chủ trương của Đại hội VI và khẳng

định tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng XHCN là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch và chính sách. Về chính sách đối ngoại, Đảng xác định: “Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”<sup>5</sup>. Cái mới là Đảng đã coi việc giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế-xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước. Quan điểm trên được các đại hội tiếp sau của Đảng tiếp tục khẳng định.

Đảng đề ra chủ trương “Đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi”<sup>6</sup>.

Triển khai chủ trương Đại hội VII của Đảng về kinh tế đối ngoại, Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII), Đảng nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam: “tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế”<sup>7</sup>. “Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>8</sup>.

Như vậy, đến giai đoạn này đối tượng quan hệ đối ngoại của Việt Nam không còn chỉ là các nước XHCN, mà là tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội. Đây là điểm mới trong đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng, là sự quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mở cửa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế: “Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực... Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”<sup>9</sup>, Việt Nam

muốn “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”<sup>10</sup>.

Đại hội VIII (6-1996) của Đảng một lần nữa khẳng định thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài; mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước.

Từ thực tiễn 10 năm đổi mới (1986-1996), Đảng khẳng định: “Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>11</sup>. Cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành trong đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Về chính sách kinh tế đối ngoại, Đảng khẳng định: Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực. Đảng đã nêu rõ nguyên tắc của chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam: “Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi”<sup>12</sup>.

Đại hội IX (4-2001) của Đảng xác định con đường đi lên CNXH của nước ta và đề ra chủ

trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN<sup>13</sup>. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Lần đầu tiên Đại hội IX của Đảng đã chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và bước đầu khái quát những đặc trưng của nền kinh tế đó về mục đích, chế độ sở hữu, phân phối và cơ chế vận hành.

Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”<sup>14</sup>. Đảng cho rằng cần tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường và nêu lên phương hướng phát triển các loại thị trường: thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường vốn, thị trường bất động sản. Về cơ chế quản lý, Đại hội nhấn mạnh trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Về đường lối đối ngoại, Đảng khẳng định tính tất yếu của toàn cầu hóa, cơ hội cũng như thách thức đối với Việt Nam khi tham gia quá trình này: “Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia...vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”<sup>15</sup>.

Một lần nữa Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>16</sup>. Như vậy, quan điểm của Đảng tại Đại hội IX bao hàm ý mới Việt Nam không chỉ sẵn sàng là bạn mà còn là đối tác tin cậy

của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đại hội đề ra chủ trương: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc...”<sup>17</sup>.

Đại hội X (4-2006) của Đảng đánh dấu bước tiến mới, rõ ràng hơn trong hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN, về con đường đi lên CNXH cũng như lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đảng nhấn mạnh tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; nắm vững định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta; nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước thông qua việc Nhà nước tập trung thực hiện tốt các chức năng định hướng sự phát triển, tạo môi trường pháp lý và cơ chế chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật, tiếp tục đổi mới các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô. Đại hội cho rằng cần phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường theo cơ chế cạnh tranh và nêu lên phương hướng phát triển các loại thị trường.

Một lần nữa Đảng nhấn mạnh phải phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức sở hữu và khẳng định: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”<sup>18</sup>, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Đảng tiếp tục khẳng định đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song

phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp, chuẩn bị tốt các điều kiện để ký các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, APEC,... khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm thiểu tối đa những thách thức, rủi ro khi gia nhập WTO.

Để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Đại hội XI (1-2011) của Đảng xác định ba khâu đột phá chiến lược đó là: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị<sup>19</sup>.

Về chính sách kinh tế đối ngoại, Đảng vẫn tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Đảng cũng xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại là nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế... Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

Đại hội XI của Đảng một lần nữa khẳng định Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên

có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế và chủ trương chuyển từ chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế<sup>20</sup>. Với chủ trương này, hội nhập quốc tế không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà được mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh...

Đại hội XII (1-2016) của Đảng có ý nghĩa hết sức quan trọng, là sự tổng kết 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, 5 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, 2 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013. Đảng tiếp tục khẳng định: (1) Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia-dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. (2) Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. (3) Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ đối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. (4) Nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới<sup>21</sup>.

Về chính sách kinh tế đối ngoại. Đảng tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Đảng đề ra chủ trương triển

khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế<sup>22</sup>. Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập quốc tế. Theo đó, trong thời gian tới, hội nhập kinh tế quốc tế tập trung vào việc triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là đối với các hiệp định khu vực mậu dịch tự do mới ký kết; hội nhập trong lĩnh vực chính trị chú trọng việc đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược, các đối tác có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa các khuôn khổ đã được xác lập đi vào thực chất; chủ động, tích cực tham gia vào các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn.

## 2. Một số kết quả

Thành tựu quan trọng nhất của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là việc chuyển nền kinh tế từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường. Đây là kết quả của sự liên tục đổi mới tư duy phát triển, ngày càng phù hợp với xu hướng chung của thời đại và thế giới. Qua gần 35 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã đạt được một số kết quả quan trọng:

*Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế.* Kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cao và được xếp vào nhóm tăng trưởng cao trên thế giới. GDP của Việt Nam tăng liên tục. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990), GDP chỉ tăng trưởng bình quân 3,9%/năm, thì trong 5 năm tiếp theo (1991-1995) đạt mức tăng bình quân 8,2%, gấp đôi so với 5 năm trước. Trong giai đoạn 1996-2000, tốc độ tăng GDP của Việt Nam là 7,5%, thấp hơn nửa đầu thập niên 1990, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Giai đoạn từ 2001-2010, GDP tăng bình quân 7,26%. Đặc biệt, trong cuộc khủng hoảng toàn cầu, nhiều quốc gia tăng trưởng âm thì GDP giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam vẫn đạt

5,9%/năm, được coi là mức cao của khu vực và thế giới<sup>23</sup>. Năm 2019, Việt Nam đạt mức tăng trưởng 6,8%/năm<sup>24</sup>

Nhờ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định mà quy mô của nền kinh tế được mở rộng ra nhiều lần, do đó thu nhập bình quân đầu người cũng tăng lên đáng kể: năm 2013, GDP đầu người đạt 1.940 USD so với 86 USD vào năm 1988. Hiện Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp, để gia nhập nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, cuộc sống của các tầng nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm mạnh.

*Thứ hai, về hoạt động xuất, nhập khẩu.* Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam không ngừng tăng lên đã góp phần quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. Về quy mô, kim ngạch xuất khẩu: nếu năm 1986, tổng kim ngạch xuất khẩu mới đạt 789 triệu USD, thì năm 2013 đã cao gấp 176,5 lần, trong đó thủy sản gấp 63,4 lần; hạt tiêu gấp 42,9 lần; hạt điều gấp 200,8 lần; rau quả gấp 23,8 lần. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã tăng trung bình 15%/năm<sup>25</sup>. Hiện, Việt Nam đã tham gia vào ba chuỗi giá trị có vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu, nổi bật nhất là: chuỗi giá trị lương thực và an ninh lương thực; chuỗi giá trị năng lượng và an ninh năng lượng (dầu mỏ, khí, than) và chuỗi giá trị hàng dệt may và da giày. Một số sản phẩm của Việt Nam đã xác lập được thương hiệu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế như dầu khí, viễn thông, dệt may và một số nông sản.

Về cơ cấu, mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú, đa dạng. Cơ cấu mặt hàng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng hàng thô hoặc sơ chế giảm, tỷ trọng hàng chế biến hoặc đã tinh chế tăng. Đến nay, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt trên thị trường 230 nước và vùng lãnh thổ, hầu hết các châu lục, chủ yếu là châu Á. Các thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Về hoạt động nhập khẩu hàng hóa cũng gia tăng mạnh mẽ. Năm 1995 so với năm 1985, kim ngạch nhập khẩu tăng gấp 5 lần (8.155,4 triệu USD/1.857,4 triệu USD); năm 1996 kim ngạch nhập khẩu là 11.143,6 triệu USD, đến năm 2006 là 44.981,1 triệu USD, tăng khoảng 4 lần so với năm 1996. Năm 2012 so với năm 2006, kim ngạch nhập khẩu tăng gấp hơn 2,5 lần (113.792,7 USD/44.891,1 triệu USD)<sup>26</sup>. Năm 2019 xuất khẩu tăng 7,9%<sup>27</sup>.

Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu chiếm trên 80%/kim ngạch nhập khẩu; hàng tiêu dùng khoảng 10%/kim ngạch nhập khẩu, còn lại là các hàng hóa khác. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu nhiều hơn khu vực kinh tế trong nước.

Từ năm 2012, Việt Nam bắt đầu chuyển sang vị thế xuất siêu trong quan hệ thương mại với các nước trên thế giới. Năm 2012, cả nước xuất siêu 749 triệu USD; năm 2013 xuất siêu 9 triệu USD và năm 2014 xuất siêu 2 tỷ USD, cán cân thanh toán được cải thiện, tăng dự trữ ngoại hối cho quốc gia, góp phần kiềm chế lạm phát<sup>28</sup>. Năm 2019 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 525 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2018<sup>29</sup>.

*Thứ ba, môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển.* Việt Nam đã thu hút được cả ba nguồn vốn quan trọng là hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và kiều hối để phát triển kinh tế-xã hội.

Kể từ khi *Luật Đầu tư nước ngoài* có hiệu lực (1988) đến ngày 31-10-2014, tổng vốn đăng ký FDI đạt 230 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 130 tỷ USD, chiếm 56,5% vốn đăng ký (trong đó có khoảng 20% vốn của Việt Nam): Hằng năm, bình quân vốn FDI thực hiện chiếm khoảng 25% vốn đầu tư xã hội; 45% giá trị sản xuất; 65% giá trị xuất khẩu; 20% GDP (năm 1992 là 2%, năm 2000 là 12,7%, năm 2006 là 16,98%, năm 2011 là 18,97% và năm 2014 là 20%);

20% thu ngân sách<sup>30</sup>. Năm 2019 là 23,4%. Các dự án FDI đã tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần làm giảm đáng kể nạn thất nghiệp. Tính đến nay khu vực FDI tạo ra gần 3 triệu việc làm cho người lao động.

Việt Nam hiện nhận ODA từ 600 tổ chức phi chính phủ với tổng giá trị ODA và vay ưu đãi cam kết từ năm 2010 trở về trước khoảng 42,438 tỷ USD, đặc biệt giai đoạn 2011-2013 đạt 20,28 tỷ USD là mức cam kết ODA cao so với các quốc gia đang phát triển khác, thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

Số lượng kiều hối cũng tăng liên tục qua các năm, trong đó năm 2010: gần 8 tỷ USD; năm 2011: 9 tỷ USD; năm 2012: hơn 10 tỷ USD; năm 2013: 11 tỷ USD; năm 2014: 12 tỷ USD và Việt Nam hiện đứng thứ 9 trên thế giới về thu hút kiều hối<sup>32</sup>. Năm 2019 là 18,9 tỷ USD, chiếm 6,6% GDP cả nước<sup>33</sup>, cao nhất từ trước đến thời điểm này.

Nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào Việt Nam đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP, tăng vốn đầu tư phát triển xã hội, tăng kim ngạch xuất khẩu, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội...

*Thứ tư, hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.* Việt Nam đã phá thế bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ kinh tế với hàng loạt các quốc gia và vùng lãnh thổ, từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được ghi dấu thông qua một số sự kiện quan trọng: năm 1994 - Khai thông quan hệ với các tổ chức kinh tế quốc tế lớn như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); năm 1995-Gia nhập ASEAN, tham gia AFTA và Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT); năm 1996-Là thành

viên sáng lập của diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM); năm 1998-Gia nhập diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC); năm 2000-Ký Hiệp định thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ; năm 2007-Trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); Năm 2015 là năm đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam với sự thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào ngày 31-12-2015 và cơ hội ký kết một loạt Hiệp định thương mại tự do (FTA) với EU, Hàn Quốc và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan sau khi đã hoàn tất quá trình đàm phán trong năm 2014. Cũng trong năm 2015, Việt Nam hoàn tất đàm phán Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Hiệp định TPP là một hiệp định thương mại thế hệ mới, chất lượng cao và toàn diện, có thể nói, nó định hình cho các hiệp định thương mại của thế kỷ XXI.

Trong quan hệ ngoại giao, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với 30 nước; đã ký trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế. Với việc triển khai và hoàn tất 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) trong giai đoạn đến năm 2020, Việt Nam sẽ trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới kết nối rộng lớn với hơn 56 nền kinh tế, trong đó có 18 thành viên APEC và hầu hết các trung tâm kinh tế thế giới, qua đó nâng cao hình ảnh quốc gia, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Như vậy, chủ trương, chính sách đổi mới kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã từng bước được bổ sung và hoàn thiện qua các kỳ đại hội của Đảng. Những thành quả đạt được nêu trên là do đường lối đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước thực hiện trong thời gian qua và đang được thực tiễn khẳng định.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb CTQG, H, 2005, tr. 65, 67, 84, 85, 294, 363, 431, 395, 481, 503

9, 10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 523, 256

13, 14, 15, 16, 17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 86, 95-96, 64, 119, 120

18 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 83

19, 20, 21, 22. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 32, 236, 153, 154

23. Xem “Đất nước rạng ngời sau 30 năm đổi mới” truy cập ngày 8-2-2016, <http://giadinh.net.vn/xa-hoi/dat-nuoc-rang-ngoi-sau-30-nam-doi-moi-20160129112952396.htm>

24, 27, 29, 31. Xem Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2020 của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, ngày 21-10-2019. Nguồn: <http://baochinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Toan-van-Bao-cao-Thu-tuong-trinh-bay-truoc-Quoc-hoi/377914.vgp>

25. Xem TS Phạm Tất Thắng: “Hội nhập kinh tế quốc tế: Từ quan điểm của Đảng đến thực tiễn”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghi-encuu-Traodoi/2015/31233/Hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-Tu-quan-diem-cua-Dang-den.aspx>

26, 28, 30. Xem “Năm 2014: Xuất siêu đạt 2 tỷ USD”, ngày 28-12-2014, <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Nam-2014-Xuat-sieu-dat-2-ty-USD/217000.vgp>

32. Xem TS Nguyễn Văn Giàu: “Hội nhập kinh tế quốc tế - tất yếu khách quan của đổi mới” trong *Hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm nhìn lại*, (PGS, TS Vũ Văn Phúc-PGS, TS Phạm Minh Chính chủ biên), Nxb CTQG, H, 2015, tr. 44 - 45.

33. Tạp chí *Nhịp cầu đầu tư*, <https://nhipcầuđautu.vn/thuong-truong/gan-19-ti-usd-kieu-hoi-do-vaodau-3327429/>.